

# Ibartaian MR 150mg

**Dạng bào chế:** Viên nén tròn, hai mặt lõm, màu trắng hoặc trắng đục.

**Thành Phần:** Irbesartan 150mg  
Tá dược vừa đủ 1 viên

**Tá dược gồm:** Microcrystalline Cellulose, Hydroxypropyl Methyl Cellulose, Calcium Carbonate, Magnesium Stearate, Polyvinylpyrrolidone K<sub>30</sub>

## Tác dụng dược lý:

Thuốc thuộc nhóm đối kháng thụ thể angiotensin-II (Ang II), có thể ức chế Ang I chuyển hoá thành Ang II, nó có tính đối kháng đặc biệt với việc co giãn mạch máu làm chuyển đổi enzym thụ thể 1 (AT1), tác dụng đối kháng với AT1 lớn hơn gấp 8500 lần AT2, ngăn ngừa sự gắn kết của AngII với những thụ thể AT1 mang tính lựa chọn. Thuốc làm ức chế sự co giãn mạch máu và sự giải phóng aldosteron, làm hạ huyết áp. Thuốc không gây ức chế co giãn mạch máu chuyển đổi enzym (ACE), thận và các hocmon thụ thể khác; thuốc cũng không gây ức chế con đường có liên quan đến việc điều chỉnh huyết áp và cân bằng natri.

## Các đặc tính dược động học:

Chế phẩm hấp thu tốt sau khi uống, sinh khả dụng là 60 ~ 80%, không bị ảnh hưởng bởi thức ăn. T<sub>max</sub> đơn liều là 3,9 giờ, C<sub>max</sub> là 1,4µg/ml, tỷ lệ kết hợp albumin huyết tương là 90%, tỷ lệ lọc của thận khoảng 0,07L/h. Irbesartan chuyển hoá thông qua đường gluco axit-andehit hoá hoặc oxy hoá, thử nghiệm invitro cho thấy chủ yếu do oxy hoá tế bào sắc tố men (enzyme cytochrome) P450 2C9. Chế phẩm và chất chuyển hoá được bài tiết qua gan và thận.

## Chỉ định điều trị:

Dùng để điều trị cao huyết áp, có thể dùng riêng rẽ hoặc/và dùng phối hợp với thuốc chữa cao huyết áp khác.

## Liều lượng và cách dùng:

Dùng uống, khuyến cáo khởi đầu điều trị với lượng là 0,15g, ngày một lần. Tuỳ theo tình trạng bệnh mà điều chỉnh lượng thuốc đến 0,3g, ngày một lần; có thể dùng riêng rẽ hoặc/và dùng phối hợp với thuốc chữa cao huyết áp khác. Bệnh cao huyết áp nặng và sau khi dùng thuốc với lượng tăng mà huyết áp vẫn chưa giảm theo mong muốn thì có thể dùng thêm thuốc lợi tiểu (ví dụ: thuốc lợi tiểu thiazide) hoặc thuốc giảm huyết áp khác.

## Chống chỉ định:

Không dùng cho những trường hợp mẫn cảm với thuốc.

## Tác dụng phụ:

Phản ứng thường gặp là đau đầu, chóng mặt, tim đập nhanh.v.v.v, đôi khi có cả ho. Bệnh ở mức bình thường thì các phản ứng trên ở mức nhẹ, có tính thoáng qua; đa số những người bệnh kiên trì dùng thuốc đều có thể chịu được. Chứng mày đay và bệnh phụ nề hiếm khi xảy ra. Theo báo cáo cho thấy tỉ lệ tác dụng phụ của thuốc xảy ra ở mức 1%, có khi bị: rối loạn tiêu hoá, chứng ợ nóng, tiêu chảy, đau cơ xương, mệt mỏi và viêm nhiễm đường hô hấp trên; nhưng không có gì khác biệt rõ so với tổ đối chiếu viên không có hoạt chất; lớn hơn 1% nhưng thấp hơn tỉ lệ phát sinh ở tổ đối chiếu như bị đau bụng, lo lắng, đau ngực, viêm họng, nôn mửa, bệnh eczêma, chứng tim đập nhanh.v.v.v tỉ lệ phát sinh huyết áp thấp và huyết áp thấp trực lập khoảng 0,4%.

**"Thông báo cho bác sỹ tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc"**

**Những điều cần chú ý:**

1. Trước khi bắt đầu điều trị phải kiểm tra lượng máu và natri.
2. Bệnh nhân suy chức năng thận có thể giảm lượng dùng thuốc và phải chú ý đến sự biến đổi nitơ đạm trong máu, gân cơ huyết thanh và kali trong máu; làm kết quả của tổ thận- co giãn mạch máu- ức chế aldosteron. Đối với người mẫn cảm với thuốc thì xảy ra biến đổi chức năng gan.
3. Bệnh nhân suy chức năng gan, tuổi cao khi dùng thuốc không cần điều chỉnh lượng dùng.
4. Irbesartan không thể được bài tiết ra ngoài thông qua lọc máu.

**Thai nghén và cho con bú:**

Không dùng cho phụ nữ có thai và cho con bú.

**Quá liều:**

Sau khi dùng quá liều thì xuất hiện hiện tượng: huyết áp thấp, tim đập nhanh hoặc tim đập quá chậm phải dùng biện pháp cố gắng nôn ra, rửa ruột và sử dụng theo liệu pháp điều trị.

**Tương tác thuốc:**

1. Khi dùng thuốc kết hợp với thuốc lợi tiểu phải chú ý lượng máu hoặc do lượng natri thấp dẫn tới huyết áp thấp. Khi dùng kết hợp với thuốc lợi tiểu đảm bảo kali (như Triamterene) cần tránh để kali trong máu tăng cao.
2. Tương tác giữa thuốc và Warfarin không rõ ràng.
3. Dùng kết hợp với thuốc thuộc nhóm digitalis như digoxin, thuốc chẹn beta như Atenolol, thuốc đối kháng canxi như Nifedipine .v.v.v không ảnh hưởng đến dược động học của nhau.

**Hạn dùng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Tiêu chuẩn áp dụng:** Tiêu chuẩn cơ sở.

Thuốc bán theo đơn. **Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**

**Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ**

**Bảo quản:** Bảo quản ở nhiệt độ không quá 30°C

**Đóng gói :** Phoi nhôm PVC/PVDC, mỗi vỉ 10 viên.

<https://trungtamthuoc.com/>

**Nhà sản xuất:**

**Cty TNHH Dược Phẩm Vellpharm Việt Nam**

Địa chỉ: Số 8 - Đường TS3 - Khu công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh

ĐT: 0241.3714143/714485

Fax: 0241.3714277

30-058